

Tăng tỷ trọng

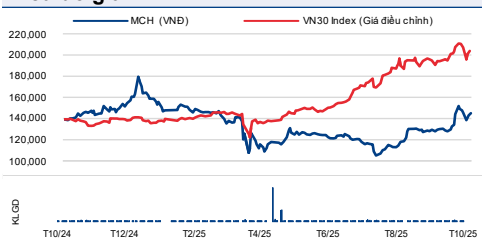
Giá mục tiêu: VNĐ130,700

Tiềm năng tăng/giảm: -9.9%

Giá cổ phiếu (đồng) (24/10/2025)	145,000
Mã Bloomberg	MCH VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	105,000-179,292
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	142,140
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	152,460
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	5,796
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,051
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	526
Slg CP NN được mua (tr.đv)	356
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	50.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	16.2%
Tỷ lệ freefloat	30.1%
Cổ đông lớn	in Consumer Holdings (69.7%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	30,897	29,848	33,218
EBITDA đc (tỷ đồng)	8,089	7,770	8,918
LNTT (tỷ đồng)	9,004	7,742	8,921
LNT ĐC (tỷ đồng)	7,803	6,672	7,688
FCF (tỷ đồng)	8,713	3,715	7,387
EPS ĐC (đồng)	7,421	6,345	7,312
DPS (đồng)	26,800	6,000	7,000
BVPS (đồng)	14,766	13,630	13,942
T.trưởng EBITDA (%)	11.7	(3.95)	14.8
T.trưởng EPS ĐC (%)	8.91	(41.1)	15.2
Tăng trưởng DPS (%)	168	(77.6)	16.7
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	26.2	26.0	26.8
Tỷ suất LNTTT (%)	29.1	25.9	26.9
Tỷ suất LNT ĐC (%)	25.3	22.4	23.1
Tỷ lệ LN trả CT (%)	249	94.6	95.7
Nợ thuần/VCSH (%)	49.0	38.1	40.5
ROAE (%)	42.8	53.3	53.0
ROACE (%)	37.5	46.6	47.3
EV/doanh thu (lần)	3.57	5.29	4.77
EV/EBITDA ĐC (lần)	13.6	20.3	17.8
P/E ĐC (lần)	19.5	22.9	19.8
P/B (lần)	9.82	10.6	10.4
Lợi suất cổ tức (%)	18.5	4.14	4.83

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan là công ty con của Công ty TNHH Masan Consumer Holdings. Chuyên sản xuất và phân phối nhiều loại gia vị, thực phẩm, đồ uống và các sản phẩm chăm sóc cá nhân và nhà cửa.

Chuyên viên phân tích

Bùi Nguyên Cẩm Giang, CFA

Trưởng phòng

giang.bnc@hsc.com.vn

+84 28 3823 3299 Ext. 369

Trần Hương Mỹ

Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng

my.th@hsc.com.vn

+84 28 3823 3299 Ext. 362

KQKD Q3/2025: Lợi nhuận giảm 19% so với cùng kỳ, sát với dự báo

- KQKD Q3/2025 yếu như dự báo. Lợi nhuận thuần giảm 19% so với cùng kỳ xuống 1.676 tỷ đồng, so với ước tính của HSC là 1.616 tỷ đồng, trong khi doanh thu thuần giảm 6% xuống 7.517 tỷ đồng, so với ước tính ở mức 7.314 tỷ đồng.
- Tính chung 9 tháng đầu năm 2025, lợi nhuận thuần giảm 16% so với cùng kỳ xuống 4.588 tỷ đồng - sát với dự báo cả năm của chúng tôi - trên doanh thu thuần 21.281 tỷ đồng (giảm 3% so với cùng kỳ).
- KQKD Q3/2025 bị ảnh hưởng tiêu cực bởi việc chuyển đổi sang mô hình bán hàng theo khu vực địa lý ở kênh bán hàng truyền thống, khiến doanh thu bán vào hệ thống phân phối của mảng gia vị và thực phẩm tiện lợi vẫn giảm so với cùng kỳ. Tuy nhiên, doanh thu bán ra đến người tiêu dùng đã có dấu hiệu cải thiện.
- HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu sau khi giá cổ phiếu tăng mạnh gần đây.

Sự kiện: Công bố KQKD Q3/2025

KQKD Q3/2025 yếu nhưng nhìn chung sát với dự báo của HSC. Lợi nhuận thuần giảm 19% so với cùng kỳ xuống 1.676 tỷ đồng, so với ước tính của HSC là 1.616 tỷ đồng, trong khi doanh thu thuần giảm 6% xuống 7.517 tỷ đồng, so với ước tính ở mức 7.314 tỷ đồng.

Tính chung 9 tháng đầu năm 2025, lợi nhuận thuần giảm 16% so với cùng kỳ xuống 4.588 tỷ đồng, trên doanh thu thuần 21.281 tỷ đồng (giảm 3% so với cùng kỳ). Với kết quả này, doanh thu thuần và lợi nhuận thuần của MCH đã đạt lần lượt 71% và 69% dự báo cả năm của HSC.

Sự suy yếu so với cùng kỳ trong Q3 chủ yếu do hiệu quả thấp ở kênh bán hàng truyền thống và doanh thu HĐ tài chính giảm mạnh. Lợi nhuận tài chính thuần giảm 66% so với cùng kỳ xuống 129 tỷ đồng, chủ yếu do thu nhập lãi giảm sau đợt chi trả cổ tức tiền mặt lớn trị giá 23 nghìn tỷ đồng vào năm ngoái.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 27/10.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q3/2025 & 9 tháng đầu năm 2025, MCH

Lợi nhuận thuần giảm 19% so với cùng kỳ trong Q3 và giảm 16% so với cùng kỳ trong 9 tháng đầu năm 2025

Tỷ đồng	Q3/24	Q3/25	So với cùng kỳ	9T24	9T25	So với cùng kỳ
Doanh thu thuần	7,987	7,517	-5.9%	21,954	21,281	-3.1%
Lợi nhuận gộp	3,736	3,430	-8.2%	10,228	9,699	-5.2%
Chi phí BH&QL	(1,755)	(1,630)	-7.1%	(5,095)	(4,794)	-5.9%
EBIT	1,981	1,800	-9.1%	5,133	4,904	-4.5%
Lợi nhuận tài chính	382	129	-66.2%	1,121	371	-66.9%
EBITDA	2,184	2,021	-12.9%	5,739	5,545	-3.4%
LNST	2,094	1,698	-18.9%	5,223	4,660	-10.8%
Lợi nhuận thuần	2,072	1,676	-19.1%	5,474	4,588	-16.2%

Nguồn: MCH

Kênh bán hàng truyền thống tiếp tục chịu áp lực trong Q3/2025

Đúng như dự báo, KQKD Q3/2025 của MCH chịu ảnh hưởng từ quá trình chuyển đổi mô hình phân phối tại kênh bán hàng truyền thống, từ mô hình theo tuyến cố định (nhân viên bán hàng phụ trách từng nhóm sản phẩm riêng lẻ) sang mô hình theo khu vực địa lý (mỗi nhân viên bán hàng quản lý toàn bộ danh mục sản phẩm trong một khu vực và làm việc trực tiếp với các nhà bán lẻ địa phương). Quá trình chuyển đổi này dự kiến sẽ mất khoảng 3–6 tháng để doanh thu hồi phục về mức trước khi chuyển đổi, sau đó mới quay lại quỹ đạo tăng trưởng. Do đó, doanh thu kênh bán hàng truyền thống trong quý tiếp tục chịu áp lực và giảm 9,9% so với cùng kỳ. Trong khi đó, doanh thu kênh bán hàng hiện đại tăng 12,5% và xuất khẩu tăng 14,8% so với cùng kỳ.

Doanh thu bán vào hệ thống phân phối cho thấy dấu hiệu phục hồi

Mặc dù Công ty không công bố chi tiết dữ liệu bán vào (nghĩa là doanh thu hàng bán từ MCH cho nhà phân phối, đại lý hoặc nhà bán lẻ) theo từng mảng, MCH cho biết doanh thu bán vào của hai mảng lớn nhất – gia vị và thực phẩm tiện lợi – vẫn giảm so với cùng kỳ. Tuy nhiên, mức giảm đã thu hẹp đáng kể so với Q2/2025, khi hai mảng này ghi nhận doanh thu giảm lần lượt 21% và 12% so với cùng kỳ.

Hiệu quả bán ra cải thiện ở nhiều nhóm sản phẩm

Doanh thu bán ra (nghĩa là doanh thu từ các nhà bán lẻ đến người tiêu dùng cuối cùng) ghi nhận sự cải thiện tích cực trên nhiều nhóm sản phẩm. Theo MCH, các khu vực đã triển khai sớm mô hình “phân phối trực tiếp” – gồm giai đoạn 1 (từ tháng 9/2024) và giai đoạn 2 (từ tháng 1/2025) – có doanh thu bán ra tăng trưởng ở mức một chữ số cao trong Q3/2025. Trong khi đó, các giai đoạn mới (4–6), triển khai trong Q3/2025, vẫn đang ở giai đoạn đầu tăng tốc nhưng phục hồi nhanh hơn nhờ nhân viên bán hàng được đào tạo tốt hơn, phía nhà phân phối được chuẩn bị kỹ lưỡng hơn và logistic được hỗ trợ hiệu quả hơn.

Xét theo từng sản phẩm, doanh thu bán ra của ‘CHIN-SU’ đạt tăng trưởng ở mức 13-15%, ‘Omachi’ gần như ổn định so với cùng kỳ trong khi các nhãn hàng nhỏ hơn như ‘Wake-up 24/7’ ghi nhận tăng trưởng một chữ số cao, Chanté tiếp tục vượt trội với doanh thu tăng khoảng 30% so với cùng kỳ.

Xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

Sau khi giá cổ phiếu tăng 25% trong 3 tháng qua, MCH đang giao dịch với P/E dự phóng 12 tháng tới là 17,8 lần, cao hơn nhiều so với bình quân từ năm 2021 ở mức 13,5 lần. HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu.

Chúng tôi giữ nguyên các dự báo hiện tại. Cho năm 2025, chúng tôi dự báo doanh thu thuần đạt 29.848 tỷ đồng (giảm 3% so với cùng kỳ) và lợi nhuận thuần đạt 6.672 tỷ đồng (giảm 15% so với cùng kỳ); theo đó, doanh thu Q4/2025 đạt 8.567 tỷ đồng (giảm 4% so với cùng kỳ) và lợi nhuận thuần đạt 2.084 tỷ đồng (giảm 11% so với cùng kỳ). Cho năm 2026, chúng tôi dự báo lợi nhuận thuần đạt 7.688 tỷ đồng (tăng trưởng 15%), phản ánh tăng trưởng đáng kể trở lại từ nửa đầu năm 2026.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	28,241	30,897	29,848	33,218	36,885
Lợi nhuận gộp	12,974	14,405	13,550	15,325	17,083
Chi phí BH&QL	(6,254)	(6,880)	(6,484)	(7,176)	(7,811)
Thu nhập khác	0	0	0	0	0
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	6,721	7,525	7,066	8,148	9,272
Lãi vay thuần	1,315	1,423	604	694	714
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	58.7	65.1	71.6	78.7	86.6
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	4.09	(8.28)	0	0	0
LN TT	8,099	9,004	7,742	8,921	10,073
Chi phí thuế TNDN	(905)	(1,084)	(970)	(1,117)	(1,262)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(109)	(117)	(100)	(116)	(130)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	7,085	7,803	6,672	7,688	8,681
Lợi nhuận thuần ĐC	7,085	7,803	6,672	7,688	8,681
EBITDA ĐC	7,239	8,089	7,770	8,918	10,120
EPS (đồng)	9,888	10,769	6,345	7,312	8,256
EPS ĐC (đồng)	6,738	7,421	6,345	7,312	8,256
DPS (đồng)	10,000	26,800	6,000	7,000	8,000
Slg CP bình quân (triệu đv)	717	725	1,051	1,051	1,051
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	717	725	1,051	1,051	1,051
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,051	1,051	1,051	1,051	1,051

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	5,790	5,677	3,258	3,568	4,165
Đầu tư ngắn hạn	4,908	365	3,000	3,000	3,000
Phải thu khách hàng	10,989	1,705	2,559	3,207	3,369
Hàng tồn kho	2,178	2,582	2,619	2,915	3,431
Các tài sản ngắn hạn khác	56.1	64.3	62.2	69.2	76.8
Tổng tài sản ngắn hạn	23,922	10,394	11,498	12,760	14,042
TSCĐ hữu hình	4,789	4,535	4,952	5,622	6,372
TSCĐ vô hình	763	714	628	541	452
Bất động sản đầu tư	5.75	4.17	4.17	4.17	4.17
Đầu tư dài hạn	275	332	332	332	332
Đầu tư vào Cty LD,LK	295	347	347	347	347
Tài sản dài hạn khác	10,503	11,574	11,521	11,467	11,414
Tổng tài sản dài hạn	16,631	17,506	17,784	18,313	18,921
Tổng cộng tài sản	40,553	27,900	29,282	31,073	32,963
Nợ ngắn hạn	8,469	9,067	6,865	7,640	8,484
Phải trả người bán	2,024	2,315	2,287	2,511	2,779
Nợ ngắn hạn khác	2,577	2,511	2,426	2,697	2,992
Tổng nợ ngắn hạn	13,729	14,600	12,263	13,610	15,100
Nợ dài hạn	227	1,764	1,764	1,764	1,764
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	160	150	150	150	150
Nợ dài hạn khác	49.7	45.9	34.4	34.4	34.4
Tổng nợ dài hạn	437	1,960	1,949	1,949	1,949
Tổng nợ phải trả	14,177	16,572	14,223	15,570	17,061
Vốn chủ sở hữu	25,780	10,700	14,331	14,659	14,929
Lợi ích cổ đông thiểu số	596	628	728	843	974
Tổng vốn chủ sở hữu	26,376	11,328	15,059	15,503	15,903
Tổng nợ phải trả và VCSH	40,553	27,900	29,282	31,073	32,963
BVPS (đ)	35,978	14,766	13,630	13,942	14,198
Nợ thuần*/(tiền mặt)	2,906	5,154	5,372	5,836	6,083

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	6,721	7,525	7,066	8,148	9,272
Khấu hao	(518)	(565)	(704)	(769)	(848)
Lãi vay thuần	1,315	1,423	604	694	714
Thuế TNDN đã nộp	(731)	(1,108)	(970)	(1,117)	(1,262)
Thay đổi vốn lưu động	(2.21)	2,381	(30.0)	(190)	(380)
Khác	(1,565)	(1,558)	(2,624)	434	473
LCT thuần từ HĐKD	6,256	9,227	4,750	8,739	9,666
Đầu tư TS dài hạn	(573)	(514)	(1,035)	(1,352)	(1,509)
Góp vốn & đầu tư	0	0	0	0	0
Thanh lý	3.89	8.12	8.12	8.12	8.12
Khác	(6,519)	11,980	(901)	(500)	0
LCT thuần từ HĐĐT	(7,088)	11,474	(1,928)	(1,844)	(1,501)
Cổ tức trả cho CSH	(262)	(23,070)	(6,309)	(7,360)	(8,412)
Thu từ phát hành CP	0	119	3,268	0	0
Tăng/giảm nợ	1,295	2,135	(2,202)	775	843
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	1,034	(20,816)	(5,242)	(6,585)	(7,568)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	5,588	5,790	5,677	3,258	3,568
LCT thuần trong kỳ	202	(115)	(2,420)	311	597
Ảnh hưởng của tỷ giá	0.06	2.63	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	5,790	5,677	3,258	3,568	4,165
Dòng tiền tự do	5,682	8,713	3,715	7,387	8,157

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	45.9	46.6	45.4	46.1	46.3
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	25.6	26.2	26.0	26.8	27.4
Tỷ suất LNT (%)	25.1	25.3	22.4	23.1	23.5
Thuế TNDN hiện hành (%)	11.2	12.0	12.5	12.5	12.5
Tăng trưởng doanh thu (%)	4.68	9.41	(3.40)	11.3	11.0
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	16.2	11.7	(3.95)	14.8	13.5
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	30.0	10.1	(14.5)	15.2	12.9
Tăng trưởng EPS (%)	30.0	8.91	(41.1)	15.2	12.9
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	30.0	10.1	(14.5)	15.2	12.9
Tăng trưởng DPS (%)	nm	168	(77.6)	16.7	14.3
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	101	249	94.6	95.7	96.9
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	29.7	42.8	53.3	53.0	58.7
ROACE (%)	26.7	37.5	46.6	47.3	52.5
Vòng quay tài sản (lần)	0.76	0.90	1.04	1.10	1.15
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.93	1.23	0.67	1.07	1.04
Số ngày tồn kho	52.1	57.1	58.7	59.5	63.2
Số ngày phải thu	263	37.7	57.3	65.4	62.1
Số ngày phải trả	48.4	51.2	51.2	51.2	51.2
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	11.5	49.0	38.1	40.5	41.4
Nợ/tài sản (%)	21.6	39.1	29.8	30.6	31.4
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	1.21	1.35	1.12	1.07	1.02
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.74	0.71	0.94	0.94	0.93
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	3.78	3.57	5.29	4.77	4.30
EV/EBITDA ĐC (lần)	14.8	13.6	20.3	17.8	15.7
P/E (lần)	14.7	13.5	22.9	19.8	17.6
P/E ĐC (lần)	21.5	19.5	22.9	19.8	17.6
P/B (lần)	4.03	9.82	10.6	10.4	10.2
Lợi suất cổ tức (%)	6.90	18.5	4.14	4.83	5.52

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn